

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH D

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HSST

Ngày: 28/3/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH D

- Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đình Phúc, Bà Đoàn Thị Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Thay, ông Phạm Sỹ Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/HSST-QĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Tạ Xuân L, sinh năm 1956 tại tỉnh D; Nơi ĐK thường trú, chỗ ở: thôn B, xã H, huyện T, tỉnh D; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Bố đẻ: Tạ Xuân Sôi (đã chết); Mẹ đẻ: Đặng Thị Mòi (đã chết); Vợ: Phạm T5, sinh năm 1960; Có 03 con: lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1987; Tiền án: Không.

Nhân thân: Ngày 24/6/2024, Tạ Xuân L bị Cục thi hành án dân sự tỉnh D ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Không chấm dứt thực hiện công việc không được làm theo quyết định. Mức xử phạt 3.000.000 đồng và buộc khôi phục tình trạng ban đầu.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông Chu Nh - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của T2 tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh D. Có mặt.

* Người làm chứng:

- Bà Quách Thị T1; Vắng mặt
- Ông Nguyễn Xuân B1; Vắng mặt
- Ông Đặng Đình T2; Vắng mặt
- Ông Phạm C; Vắng mặt
- Ông Ngô B2; Vắng mặt
- Bà Mai B3; Vắng mặt
- Ông Phạm V; Vắng mặt
- Ông Phạm T3, Vắng mặt

- Bà Đinh Đ; *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*
- Ông Nguyễn T4; *Vắng mặt*
- Bà Phạm T5; *Có mặt*
- Ông Vũ Đ1; *Có mặt*
- Ông Nguyễn H1; *Vắng mặt*
- Ông Phan K; *Vắng mặt*
- Bà Triệu T6; *Vắng mặt*
- Bà Nguyễn G; *Vắng mặt*
- Anh Phạm H2; *Vắng mặt*
- Ông Nguyễn Đ2; *Vắng mặt*
- Ông Vũ C1. *Vắng mặt*
- Ông Tạ Văn B4; *Có mặt*
- Ông Tạ Văn T7; *Vắng mặt*
- Ông Tạ Văn T8. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh D thụ lý vụ án Tranh chấp quyền sử dụng đất và Yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa Nguyên đơn: Ông Đặng Ngọc Hát, sinh năm 1932, trú tại thôn B, xã H, huyện T, tỉnh D, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Đặng Ngọc, sinh năm 1959 trú tại: Số 436/11, đường 3/2, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh; Bị đơn: Bà Đặng Thị Nhụ, sinh năm 1945; địa chỉ: Số 86 đường số 2, khu nhà ở thương mại đường sắt, khu phố Thống Nhất, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và ông Tạ Xuân L, sinh năm 1956, trú tại thôn B, xã H, huyện T, tỉnh D. Nguyên đơn yêu cầu ông L phải trả lại thửa đất số 301, tờ bản đồ số 09, diện tích 256m² ở thôn B, xã H, huyện T và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Hưng (nay là huyện T, tỉnh D) cấp ngày 15/3/1996 mang tên ông Tạ Xuân L. Ngày 27/01/2021, TAND tỉnh D tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ xác định các công trình trên thửa đất của ông Tạ Xuân L gồm: 01 nhà cấp 4 diện tích 57,3m², nhà thờ cấp 4 diện tích 40m², 01 chuồng lợn... Công trình phụ gồm: Nhà vệ sinh, bếp, nhà ăn và tường bao xung quanh nhà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của TAND tỉnh D quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Ngọc Hát về việc buộc ông Tạ Xuân L trả lại thửa đất số 301 diện tích 256m² và Yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Hưng (nay là UBND huyện T, tỉnh D) cấp ngày 15/3/1996 mang tên ông Tạ Xuân L. Ngày 03/10/2022, ông Đặng Ngọc có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Ngày 10/10/2022, ông Tạ Xuân L có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm. Trong đó, ông L yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm, không đồng ý nội dung tại bản án sơ thẩm giao cho cụ Hát sử dụng 50,4m² đất tại thửa số 324 và tạm giao cho cụ Hát sử dụng 124,6m² đất.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 580/2023/DS-PT ngày 29/11/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội quyết định: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Toà án nhân dân tỉnh D và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh D giải quyết lại án theo thủ tục sơ thẩm. Trong khi chờ TAND tỉnh D thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, khoảng tháng 02/2024, Tạ Xuân L đã thuê người tháo dỡ ngôi nhà cấp 4 để chuẩn bị xây nhà mới.

Ngày 03/4/2024, TAND tỉnh D ra Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 19/2024/TLST-DS về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất và Yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nội dung ông Hạt yêu cầu ông Tạ Xuân L trả lại thửa đất số 301, tờ bản đồ số 09, diện tích 256m² ở thôn B, xã H, huyện T và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Tạ Xuân L. Sau khi thuê người tháo dỡ ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất 301, tờ bản đồ số 9, ông L đã ký hợp đồng với ông Vũ Đ1, sinh năm 1974, ở thôn Phương Quan, xã H, huyện T thi công các hạng mục làm móng, đổ mái, xây, trát, ốp lát... Đến tháng 4 năm 2024, bắt đầu làm móng nhà và đổ cột thép, xây bể phốt, bể chứa nước, tường nhà theo thiết kế đã thuê. Ông Đặng Ngọc thấy ông L đang làm thay đổi hiện trạng thửa đất tranh chấp nên ngày 05/4/2024 đã làm đơn yêu cầu TAND tỉnh D áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Hồi 09 giờ 15 phút ngày 04/5/2024, TAND tỉnh D đến gia đình ông L, công bố nội dung đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp của ông Đặng Ngọc và phổ biến các quy định của pháp luật liên quan đến việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. TAND tỉnh D xác định các công trình hiện có trên thửa đất nhà ông L gồm: 01 nhà thờ, 03 gian chuồng trại chăn nuôi và móng nhà mới. Tại buổi làm việc, ông L không chấp nhận yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vì cho rằng đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của gia đình, đồng thời sẽ tiếp tục xây dựng công trình trên đất, gia đình ông L đang ở tại nhà thờ.

Ngày 08/5/2024, TAND tỉnh D ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2024/QĐ-BPKCTT Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp quy định tại khoản 8 Điều 114 và Điều 122 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc ông Tạ Xuân L phải chấm dứt hành vi tháo dỡ, lắp ghép, xây dựng thêm hoặc hành vi khác làm thay đổi hiện trạng thửa đất số 301, tờ bản đồ số 09, địa chỉ: thôn B, xã H, huyện T, tỉnh D và Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Ngày 09/5/2024, ông L đã nhận được Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của TAND tỉnh D, ngày 09/5/2024, Cục Thi hành án dân sự tỉnh D ra Quyết định thi hành án chủ động số 501/QĐ- CTHADS, cho thi hành án đối với ông Tạ Xuân L phải thi hành áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp quy định tại khoản 8 Điều 114 và Điều 122 của BLTTDS; buộc ông L phải chấm dứt hành vi tháo dỡ, lắp ghép xây dựng thêm hoặc hành vi khác làm thay đổi hiện trạng thửa đất số 301, tờ bản đồ số 09 và Quyết định số 01/QĐ-CTHADS ngày 09/5/2024 về việc tạm thời dừng thay đổi hiện trạng tài sản quyết định: Tạm dừng việc thay đổi hiện trạng tài sản của ông Tạ Xuân L đối với tài sản là Quyền sử dụng đất tại thửa 301, tờ bản đồ số 09, buộc ông L phải chấm dứt hành vi tháo dỡ, lắp ghép xây dựng thêm hoặc hành vi khác làm thay đổi hiện trạng thửa đất. Các Quyết định của Cục Thi hành án dân sự tỉnh D

có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Ông L đã nhận được các Quyết định của Cục thi hành án dân sự tỉnh D. Cùng ngày, Cục thi hành án dân sự tỉnh D tiến hành xác minh hiện trạng thửa đất số 301, tờ bản đồ số 09 xác định: Ông L đã xây móng nhà đổ bê tông, móng nhà cao khoảng 35 cm, trên móng nhà có 17 cột sắt, mỗi cột cao khoảng 01m, phía sau móng nhà có 01 bể ngầm đổ bê tông kích thước khoảng (03m x 1.8)m (không kiểm tra được độ sâu của bể). Cục Thi hành án dân sự tỉnh D yêu cầu ông L thực hiện nghiêm chỉnh Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và yêu cầu ông L ngừng việc xây dựng, không được làm thay đổi hiện trạng trên thửa đất. Yêu cầu đội thợ xây ngừng việc xây dựng. Tuy nhiên, ông L xác định: Đội thợ xây do ông L thuê xây dựng trên thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nên ông L vẫn tiếp tục xây dựng và chịu mọi trách nhiệm về việc thuê thợ. Sau đó, ông L tiếp tục thuê thợ đổ mái tầng I. Ngày 03/6/2024, Cục thi hành án dân sự tỉnh D tiếp tục xác minh hiện trạng thửa đất xác định: Ông L đã đổ cột bê tông, cột tường nhà, tường ngăn cao khoảng 3,9m; xây dựng tường nhà, tường ngăn giữa các phòng và xây dựng thêm 01 bể ngầm đổ bê tông phía sau móng nhà kích thước khoảng (03x 1,8)m. Cục thi hành án dân sự tỉnh D đã phối hợp với chính quyền địa phương yêu cầu ông L thực hiện nghiêm chỉnh Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, ngừng việc xây dựng, không làm thay đổi hiện trạng. Tuy nhiên, ông L không chấp hành và sẽ tiếp tục xây dựng vì cho rằng việc xây dựng trên đất là không sai.

Do ông L không thực hiện nghĩa vụ thi hành án, tiếp tục thay đổi hiện trạng thửa đất nên Cục Thi hành án dân sự tỉnh D ra Quyết định cưỡng chế thi hành án số 32/QĐ-CTHADS ngày 11/6/2024 và ra Thông báo số 1312/TB-CTHADS ngày 11/6/2024, yêu cầu ông L không được thực hiện công việc: Xây dựng thêm hoặc hành vi khác làm thay đổi hiện trạng thửa đất, kể từ ngày 11/6/2024 và yêu cầu khôi phục hiện trạng ban đầu (theo hiện trạng ngày 09/5/2024) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày 11/6/2024. Tuy nhiên, hết thời hạn trên, ông L không khôi phục hiện trạng ban đầu nên ngày 18/6/2024, Chấp hành viên đã lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi: Không chấm dứt công việc, không được làm theo quyết định nhưng ông L không ký biên bản. Chấp hành viên đã giao biên bản vi phạm hành chính nhưng ông L không nhận. Ngày 24/6/2024, Cục thi hành án dân sự tỉnh D ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1431/QĐ-CTHADS đối với ông Tạ Xuân L về hành vi: Không chấm dứt thực hiện công việc không được làm theo quyết định, phạt tiền 3.000.000 đồng và khôi phục lại tình trạng ban đầu theo biên bản xác minh ngày 09/5/2024, thời hạn khắc phục là 07 ngày. Do ông L không có mặt tại địa phương nên Cục thi hành án dân sự tỉnh D đã niêm yết Quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại gia đình, tại trụ sở UBND xã H và trụ sở Cục thi hành án dân sự tỉnh D nhưng ông L không thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Ngày 06/8/2024, Cục thi hành án dân sự tỉnh D xác minh hiện trạng xác định: Ông L đã đổ mái tầng II, tiếp tục thuê anh Phan K, sinh năm 1983, anh Nguyễn H1, sinh năm 1985 đều ở thôn Phương Quan, xã H lắp đặt điện nước và sơn để hoàn thiện nhà. Thu thập tài liệu TAND tỉnh D xác minh hiện trạng ngày 04/11/2024, kết quả: Ngày 05/11/2024, TAND tỉnh D kiểm tra hiện trạng thửa đất xác định: Nhà L hiện có 01 nhà hai tầng diện tích khoảng 96,6m², một nhà

ăn đặt tôn, diện tích khoảng 51,7m² ... Đến ngày 10/11/2024, gia đình ông L đã xây dựng hoàn thiện và sinh hoạt tại đây.

Do việc ông Tạ Xuân L không chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của TAND tỉnh D và không thi hành Quyết định thi hành án, Quyết định cưỡng chế, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh D. Ngày 19/8/2024, Cục thi hành án dân sự tỉnh D đã ra văn bản kiến nghị khởi tố số 1847/CTHDS-NV, đề nghị Cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Tạ Xuân L về tội Không chấp hành án, quy định tại Điều 380 Bộ luật Hình sự. Sau khi tiếp nhận kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra tiến hành triệu tập, ghi lời khai ngày 22/8/2024, Tạ Xuân L khai nhận: Việc không chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là sai nhưng vẫn tiếp tục xây dựng vì cho rằng đất đứng tên hợp pháp của mình.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS-TM ngày 23 tháng 01 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Tạ Xuân L về tội Không chấp hành án, quy định tại khoản 1 Điều 380 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh D thực hành quyền công tố, trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị HĐXX:

Căn cứ: khoản 1 Điều 380; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí Tòa án.

- *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Tạ Xuân L phạm tội “*Không chấp hành án*”.

- *Về hình phạt chính:* Xử phạt bị cáo Tạ Xuân L từ 4 -7 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 02 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh D giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

- *Hình phạt bổ sung:* Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- *Về án phí:* Bị cáo thuộc đối tượng người cao tuổi, người có công với cách mạng nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Tạ Xuân L thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo nhất trí với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, xem xét đến các điều kiện hoàn cảnh bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý

kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 08/5/2024 đến ngày 05/11/2024, mặc dù có điều kiện nhưng Tạ Xuân L đã không chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của TAND tỉnh D về việc cấm thay đổi hiện trạng, tài sản đang tranh chấp; không chấp hành Quyết định thi hành án, Quyết định tạm dừng thay đổi hiện trạng; đã có hành vi xây nhà và các công trình phụ trên thửa đất đang tranh chấp. Đã bị Cục thi hành án dân sự tỉnh D ra Quyết định cưỡng chế thi hành án và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, buộc Tạ Xuân L khôi phục hiện trạng ban đầu nhưng Tạ Xuân L không chấp hành. Hậu quả: Thửa đất trên Tạ Xuân L đã xây dựng xong nhà hai tầng trên diện tích khoảng 96,6m² cùng các công trình phụ trợ. Đất và công trình trên đất là tài sản có tranh chấp trong vụ án dân sự đang được Toà án nhân dân tỉnh D thụ lý giải quyết.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thi hành án đối với các Bản án, Quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật, đồng thời xâm phạm tới quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án dân sự mà Toà án nhân dân tỉnh D đang giải quyết.

Mặc dù Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của TAND tỉnh D quyết định thửa đất nêu trên là của bị cáo. Tuy nhiên, Bản án dân sự phúc thẩm số 580/2023/DS-PT ngày 29/11/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội yêu cầu hủy bản án số 64 nêu trên. Và hiện vụ án được thụ lý lại ban đầu nên có căn cứ xác định: Thửa đất nêu trên hiện đang là đối tượng tranh chấp trong vụ án dân sự. TAND tỉnh D chưa có kết quả xét xử xác định thửa đất là của ai. Việc TAND tỉnh D ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là để hiện trạng thửa đất được giữ nguyên, tránh việc các bên tự thay đổi dẫn đến khó tuyên sau này. Bản thân bị cáo có điều kiện thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vì bị cáo còn có chỗ ở khác là nhà thờ đã được xây dựng trước đó trên thửa đất đang tranh chấp. Mặt khác, khi làm việc với quan Cơ quan điều tra, bị cáo nhận thức được việc không chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là sai nhưng không chấp hành vì cho rằng được xây trên thửa đất mang tên mình trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhiều lần Chấp hành viên yêu cầu bị cáo giữ nguyên hiện trạng thửa đất nhưng bị cáo không thực hiện theo nội dung Quyết định thi hành án, Quyết định cưỡng chế và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Cục THADS tỉnh D. Hành vi phạm tội của bị cáo là đã thay đổi hoàn toàn hiện trạng thửa đất, gây khó khăn cho việc xác minh, thu thập đánh giá chứng cứ trong vụ án Tranh chấp dân sự do TAND tỉnh thụ lý giải quyết. Theo đó: Hiện trạng thửa đất đang tranh chấp, ban đầu chỉ là các cột móng, bị cáo đã thay đổi thành đổ mái tầng 1, tầng 2 và hiện đang sinh hoạt ổn định tại đây. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi không chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của TAND tỉnh D đã phạm tội Không chấp hành án, quy định tại khoản 1 Điều 380 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng VKSND huyện T truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Khi xem xét, quyết định hình phạt, HĐXX thấy:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người có công với cách mạng; tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo là người cao tuổi, có công với cách mạng, là bệnh binh 61%. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án cũng đủ để răn đe giáo dục bị cáo, thể hiện chính sách hình sự của Nhà nước cũng như sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là người cao tuổi, là bệnh binh, điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về việc xử lý tài sản trên thửa đất tranh chấp: Việc tranh chấp thửa đất số 301, tờ bản đồ số 09, diện tích 256m² ở thôn B, xã H, huyện T, tỉnh D do TAND tỉnh D đang thụ lý, giải quyết nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[6] Anh Vũ Xuân Đào, anh Nguyễn H1, anh Phan K, anh Phạm H2, sinh năm 1973 ở thôn B, xã H, anh Nguyễn Đ2, sinh năm 1974 ở thôn Phương Quan, xã H, ông Vũ C1, sinh năm 1967 ở thôn Lâm Kiều, xã H là những người trực tiếp xây dựng, thi công ngôi nhà do bị cáo thuê xây dựng. Tuy nhiên, đây là những người không có nghĩa vụ phải chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, không phải là người phải thi hành án theo Quyết định thi hành án của Cục thi hành án dân sự tỉnh D nên không có căn cứ xem xét để xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo Tạ Xuân L là người cao tuổi và là người có công với cách mạng nên bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Căn cứ: khoản 1 Điều 380; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí Tòa án.

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Tạ Xuân L phạm tội “*Không chấp hành án*”.

2. *Về hình phạt chính:*

Xử phạt bị cáo Tạ Xuân L 04 (bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh D giám sát, giáo dục

trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. *Về hình phạt bổ sung*: Không áp dụng.

4. *Về án phí*: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh D;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- CQCSĐT-Công an tỉnh D;
- Bộ phận HSNV-Công an tỉnh D;
- CQTHAHS-Công an tỉnh D;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhân